

Bản án số: 327/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công KH1 vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2024/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2024. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần L (viết tắt Kienlongbank)

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc M – Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn H, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Bà Mai Thị Kim H1, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L người đại diện theo ủy quyền ông Lê Trường H trình bày: Vào ngày 20/3/2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần L và ông Dương Văn H, bà Mai Thị Kim H1 có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 074/20/HDTD/1007-0897 để vay số tiền gốc là 140.000.000 đồng, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là ngày 20/3/2021, lãi suất thỏa thuận là 13,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm

chuyển nợ quá hạn. Để đảm bảo cho khoản nợ vay, phía ông H – bà H1 có thể chấp các quyền sử dụng đất số 211 diện tích 2.371m² và thửa 249 tờ diện tích 2.699m², bản đồ số 13 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI642149 và AI642153 do ông H và bà H1 đứng tên đã được giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng. Quá trình vay, phía ông H - bà H1 không thanh toán cho Ngân hàng khoản gốc và lãi nào. Khi đến hạn, ông H - bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông bà thực hiện đúng nghĩa vụ nhưng ông bà chỉ cam kết, hứa hẹn, sau đó thì không thực hiện. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm nên phía Ngân hàng thương mại cổ phần L khởi kiện yêu cầu phía ông H – bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là 120.498.517 đồng, trong đó nợ trong hạn là 18.130.575 đồng, lãi quá hạn là 95.520.082 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 6.847.860 đồng. Tổng tiền gốc và lãi ông H - bà H1 buộc phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L là 260.498.517 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần L còn yêu cầu phía ông H - bà H1 còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần đã được ký kết. Trường hợp ông H - bà H1 không trả được nợ, sau khi án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 211 diện tích 2.371m² và thửa 249 tờ diện tích 2.699m², bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI642149 và AI642153 do ông H và bà H1 đứng tên để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Dương Văn H, bà Mai Thị Kim H1 không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L và vắng mặt qua các lần mời tham gia tố tụng tại Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết là tự nguyện, đúng theo quy định là hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất thỏa thuận thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên việc thỏa thuận vay ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L và ông H – bà H1 được xem là hợp pháp nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng với các điều khoản đã được thỏa thuận. Do ông H - bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần L yêu cầu ông H - bà H1 trả khoản nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là 120.498.517 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông H - bà H1 phải trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên theo thông báo của Ngân hàng. Trường hợp, ông H - bà H1 không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần

L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay tại Ngân hàng. Yêu cầu trên của Ngân hàng thương mại cổ phần L là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L

Về án phí: Buộc đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần L khởi kiện yêu cầu ông H – bà H1 giao trả số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông H - bà H1 có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Dương Văn H và bà Mai Thị Kim H1 với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H - bà H1 thông qua các con của ông bà nhận thay nhưng ông bà vắng mặt qua các lần triệu tập mà không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông H - bà H1.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L về việc buộc ông H - bà H1 giao trả khoản vay gốc còn nợ là 140.000.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là 120.498.517 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông H - bà H1 còn phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông H - bà H1 thanh toán xong các khoản nợ trên.

Trường hợp ông H - bà H1 không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất số 211 diện tích 2.371m² và thửa 249, diện tích 2.699m², bản đồ số 13 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI642149 và AI642153 do ông H và bà H1 đứng tên đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 093/19/HĐTC đã ký kết để thu hồi nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía Ngân hàng Thương mại cổ phần L đã cung cấp: Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 093/19/HMTD /1007-0897 và hợp đồng tín dụng từng lần số 074/20/HĐTD /1007-0897 ngày 20/3/2020, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 093/19/HĐTC- BDS/1007-0897 ngày 11/4/2019; bản kê chi tiết các khoản nợ đã trả và còn phải trả. Tính đến ngày 21/3/2021, ông H - bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ vay phát sinh từ thỏa thuận vay giữa các bên. Phía Ngân hàng cũng đã thông báo cho ông H - bà H1 biết và yêu cầu thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nhưng ông bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã thực hiện việc cấp tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp

luật cho ông H - bà H1 nhưng ông bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H - bà H1 không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L cũng như chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nên xem như ông H - bà H1 đã mặc nhiên thừa nhận khoản nợ vay trên.

Xét thấy “hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 20/3/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L và ông Dương Văn H - bà Mai Thị Kim H1 được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; việc thỏa thuận lãi suất cho vay phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và đã được các bên thỏa thuận quy định tại hợp đồng và đây là hợp đồng tín dụng có tài sản bảo đảm nên sự thỏa thuận trên giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L và ông H - bà H1 được xem là hợp pháp. Việc thỏa thuận vay hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng theo các điều khoản đã được thỏa thuận. Do ông H – bà H1 vi phạm nghĩa trả nợ vay, nên Ngân hàng thương mại cổ phần L khởi kiện yêu cầu ông H – bà H1 phải trả các khoản nợ vay gốc là 140.000.000 đồng và khoản nợ lãi phải trả tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 120.498.517 đồng, lãi trong hạn là 18.130.575 đồng, lãi quá hạn là 95.520.082 đồng, lãi phạt chậm trả 6.847.860 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với các quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H – bà H1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần L

Trường hợp sau khi án có hiệu lực, ông H – bà H1 không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản là các quyền sử dụng đất thửa số 211, diện tích 2.371m² và thửa 249, diện tích 2.699m², cùng thuộc tờ bản đồ số 13; tọa lạc tại ấp K, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI642149 và AI642153 do ông H và bà H1 đứng tên để thu hồi nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần L có trách nhiệm giao trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông Dương Văn H và bà Mai Thị Kim H1 sau khi ông H và bà H1 tất toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần L

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 260.498.517 đồng x 5% = 13.024.925 đồng (làm tròn 13.025.000 đồng)

Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Lđược chấp nhận nên ông H – bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 12.025.000 đồng

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005730 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Dương Văn H – bà Mai Thị Kim H1 giao trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền gốc là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) và khoản lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 27/9/2024) là 120.498.517 đồng (một trăm H1 mươi triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2024), ông H – bà H1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận ký kết tại hợp đồng tín dụng từng lần số 074/20/HĐTD/1007-0897 ngày 20/3/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long.

Ngân hàng thương mại cổ phần L chịu trách nhiệm giao trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông H – bà H1, sau khi ông H – bà H1 thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Trường hợp ông H - bà H1 không trả được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất đất số 211 diện tích 2.371m² và thửa 249 tờ diện tích 2.699m², thuộc tờ bản đồ số 13; cùng tọa lạc tại ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI642149 và AI642153 do ông H và bà H1 đứng tên để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Buộc ông Dương Văn H H, bà Mai Thị Kim H1 nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.025.000 đồng (mười ba triệu, không trăm H1 mươi lăm nghìn đồng)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005730 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày; đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2024; đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương